

Số: /PGDDĐT
V/v hướng dẫn báo cáo sơ kết học
kì I và phương hướng nhiệm vụ học
kì II năm học 2023-2024

Yên Minh, ngày tháng 12 năm 2023

Kính gửi: Các trường THCS, PTDTBT THCS, Trường TH&THCS trong huyện.

Căn cứ Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của UBND tỉnh Hà Giang về việc Ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Công văn số 2242/SGDDĐT-VP ngày 26/12/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Giang về việc Hướng dẫn báo cáo sơ kết học kì I và phương hướng nhiệm vụ học kì II năm học 2023-2024;

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Yên Minh hướng dẫn các đơn vị báo cáo sơ kết học kỳ I năm học 2023-2024 và phương hướng nhiệm vụ học kỳ II năm học 2023-2024, như sau:

- Các đơn vị xây dựng báo cáo sơ kết học kỳ I và phương hướng nhiệm vụ học kỳ II, năm học 2023-2024 (*theo đề cương báo cáo gửi kèm*); Báo cáo của các đơn vị gửi trên hệ thống Vnptioffice về Phòng GD&ĐT **trước ngày 15/01/2024**.

- Nhập đầy đủ số liệu báo cáo vào các biểu mẫu được Phòng GD&ĐT chia sẻ trên google driver gửi vào địa chỉ Email của các đơn vị (**hoàn thành trước ngày 15/01/2024**). Các đơn vị điền số liệu chính xác, không tự ý chỉnh sửa biểu mẫu.

Trên đây là hướng dẫn báo cáo sơ kết học kỳ I và phương hướng nhiệm vụ học kỳ II năm học 2023-2024, Phòng GD&ĐT yêu cầu Hiệu trưởng các đơn vị trường học nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Trưởng phòng, các phó trưởng phòng;
- Chuyên môn THCS;
- Lưu: Phòng GD&ĐT.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Đặng Thị Kim Hoa

UBND HUYỆN YÊN MINH
TRƯỜNG.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-THCS

....., ngày tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO

Sơ kết học kỳ I năm học 2023-2024

và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm học kỳ II năm học 2023-2024

- Căn cứ.....
- Căn cứ.....
- Trường..... báo cáo kết quả sơ kết học kỳ I năm học 2023-2024 cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC THAM MƯU, CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

- Việc triển khai, cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh, Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT và các cơ quan chức năng có thẩm quyền khác của địa phương.
- Công tác tham mưu của đơn vị cho Sở GD&ĐT; chính quyền địa phương ban hành các văn bản về triển khai các nhiệm vụ giáo dục và đào tạo.
- Công tác chỉ đạo của đơn vị trong triển khai thực hiện nhiệm vụ.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Quy mô mạng lưới các cơ sở giáo dục và đào tạo

- Công tác rà soát, sắp xếp, tổ chức trường, lớp.
- Quy mô trường lớp: Số lớp, số học sinh

Lưu ý: Có đánh giá, nhận xét, so sánh kết quả đạt được hiện nay với cùng kỳ năm trước; so sánh với mặt bằng chung trong huyện.

2. Đội ngũ giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục

2.1. Công tác tổ chức cán bộ, sắp xếp kiện toàn bộ máy

2.1.1. Số lượng

- Tổng số đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên trong biên chế tính đến 15/01/2024.

- Tổng số giáo viên, nhân viên hợp đồng thời vụ.

Tổng số giáo viên, nhân viên mới tuyển dụng (từ tháng 5/2023 đến ngày 30/12/2023).

2.1.2. Trình độ đào tạo của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (không tính hợp đồng thời vụ)

- Trình độ đào tạo nói chung của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.
- Yêu cầu nêu rõ số lượng, tỉ lệ % từng trình độ chia ra: Trung cấp, Cao đẳng, Đại học, Thạc sĩ.

- Trình độ đào tạo đạt chuẩn theo Luật Giáo dục 2019 trở lên; trình độ đào tạo dưới chuẩn theo Luật Giáo dục 2019.

2.1.3. Độ tuổi, dân tộc, đảng viên, giới tính (không tính hợp đồng thời vụ)

- Cán bộ quản lý (số lượng, tỉ lệ %):
- + Độ tuổi: Dưới 30 tuổi; từ 30-39 tuổi; từ 40-49 tuổi; từ 50-55 tuổi; từ 56-60 tuổi; Trên 60 tuổi.
- + Cán bộ quản lý nữ (số lượng, tỉ lệ %); cán bộ lý là người dân tộc thiểu số (số lượng, tỉ lệ %).
- + Số lượng đảng viên.
- Giáo viên (số lượng, tỉ lệ %):
- + Độ tuổi: Dưới 30 tuổi; từ 30-39 tuổi; từ 40-49 tuổi; từ 50-55 tuổi; từ 56-60 tuổi; Trên 60 tuổi.
- + Giáo viên nữ (số lượng, tỉ lệ %); giáo viên là người dân tộc thiểu số (số lượng, tỉ lệ %).
- + Số lượng giáo viên là đảng viên (số lượng, tỉ lệ %):
- Nhân viên (số lượng, tỉ lệ %):
- + Độ tuổi: Dưới 30 tuổi; từ 30-39 tuổi; từ 40-49 tuổi; từ 50-55 tuổi; từ 56-60 tuổi; Trên 60 tuổi.
- + Nhân viên nữ (số lượng, tỉ lệ %); Nhân viên là người dân tộc thiểu số (số lượng, tỉ lệ %).
- + Số lượng nhân viên là đảng viên (số lượng, tỉ lệ %):

2.1.4. Tình trạng thừa, thiếu giáo viên, nhân viên

- Tính theo định mức:
- + Đối với cán bộ, giáo viên:
- + Tổng số lượng cán bộ, giáo viên thừa, thiếu.
- + Đối với nhân viên: Nêu rõ số lượng nhân viên thừa, thiếu.
- + Dự báo đến năm 2025 có bao nhiêu người về hưu (nghỉ theo chế độ)? Nhu cầu cần bổ sung giáo viên, nhân viên đến năm 2025 là bao nhiêu?
- Tính theo được giao:
- + Đối với cán bộ, giáo viên:
- + Tổng số lượng cán bộ, giáo viên thừa, thiếu.
- + Đối với nhân viên: Nêu rõ số lượng nhân viên thừa, thiếu.

Lưu ý: Có đánh giá khái quát về thực trạng thừa, thiếu; nêu rõ môn nào, đơn vị, cơ sở nào thiếu nhiều giáo viên, nhân viên nhất, vì sao...

2.2. Chất lượng hoạt động đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

- Về ưu điểm.
- Về hạn chế

Lưu ý: Đánh giá khái quát về chất lượng đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên về ý thức, tinh thần trách nhiệm và hiệu quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao; về công tác bồi dưỡng, phát triển trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ kế cận; những khó khăn, vướng mắc, bất cập; giải pháp tháo gỡ...

3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học

- Về cơ sở vật chất.
- Về trang thiết bị, đồ dùng dạy học.
- Công tác xã hội hóa giáo dục trong việc hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy học.

Lưu ý: Đánh giá thực trạng, nhu cầu, những khó khăn, vướng mắc, định hướng trong thời gian tiếp theo.

4. Tỷ lệ huy động trẻ, học sinh đến trường

- Đánh giá khái quát các phương án, giải pháp vận động duy trì sĩ số học sinh, đảm bảo tỉ lệ học sinh đến trường; những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc, tồn tại.

- Công tác phối hợp với cha mẹ học sinh, chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể trong thực hiện nhiệm vụ huy động học sinh đến trường và đảm bảo duy trì sĩ số.

- Kết quả cụ thể trong học kỳ I năm học 2023-2024 (*nêu rõ tỉ lệ % theo các độ tuổi sau*):

+ Tỉ lệ huy động và tuyển sinh vào lớp 6.

+ Tỷ lệ huy động trẻ 10-14 tuổi đến trường.

- Tỉ lệ huy động và tuyển sinh học sinh tốt nghiệp THCS vào học THPT và tương đương.

Lưu ý: Đánh giá, nhận xét, so sánh kết quả đạt được học kỳ I năm học 2023-2024 so với chỉ tiêu đặt ra và so với cùng kỳ năm trước (Các đơn vị chỉ phân tích theo đối tượng học sinh của mình).

5. Tình hình học sinh bỏ học, duy trì sĩ số học sinh

- Tỉ lệ học sinh bỏ học.

- Nguyên nhân bỏ học chủ yếu.

- Tỉ lệ duy trì sĩ số hằng ngày.

- Nhận xét khái quát những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc, tồn tại; so sánh kết quả với chỉ tiêu được giao và với cùng kỳ năm trước; giải pháp triển khai thực hiện.

6. Triển khai chương trình Giáo dục phổ thông 2018

6.1. Công tác chuẩn bị đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên

- Công tác định hướng, triển khai thực hiện.

- Kết quả: Số lượng, chất lượng, cơ cấu giáo viên/cơ cấu môn học, hoạt động; đánh giá khái quát.

- Khó khăn, vướng mắc, giải pháp.

6.2. Công tác bồi dưỡng, tập huấn

- Công tác định hướng, triển khai thực hiện.

- Thực trạng, kết quả.

- Khó khăn, vướng mắc, giải pháp (*nêu ngắn gọn*).

6.3. Công tác lựa chọn, chuẩn bị sách giáo khoa cho học sinh

- Công tác triển khai thực hiện.
- Thực trạng, kết quả.
- Khó khăn, vướng mắc, giải pháp (nêu ngắn gọn).

6.4. Kết quả dạy học và triển khai chương trình GDPT 2018

- Đánh giá khái quát kết quả đạt được.
- Những bài học kinh nghiệm có thể nhân rộng, phổ biến.

7. Chất lượng giáo dục

7.1. Một số hoạt động chuyên môn của đơn vị; kết quả các kỳ thi, giao lưu của giáo viên, học sinh

- Công tác định hướng, chỉ đạo (nêu ngắn gọn).
- Thực trạng, kết quả đạt được, những tồn tại, khó khăn, vướng mắc; so sánh kết quả đạt được với mục tiêu đặt ra và với mặt bằng chung trong tỉnh (theo thực tế).
- Những định hướng, giải pháp trong thời gian tiếp theo.

7.2. Chất lượng học sinh

- Kết quả đạt được của các mặt giáo dục.
- Những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc, tồn tại; bài học kinh nghiệm trong triển khai thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng của cấp học; những cách làm hay, những mô hình tốt.

Lưu ý: Cần đánh giá, nhận xét, so sánh kết quả đạt được học kỳ I năm học 2023-2024 so với chỉ tiêu đặt ra và so với cùng kỳ năm trước.

8. Các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục

- Phân tích khái quát các giải pháp đã triển khai, thực hiện.
- Việc kiểm tra, hỗ trợ giáo viên trong công tác dạy học theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.
- Những mô hình giáo dục hay, hiệu quả của đơn vị.
- Giải pháp cụ thể của đơn vị.

9. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống

- Đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên.
- Đối với học sinh.

Lưu ý: Tập trung làm rõ: (1) Công tác chỉ đạo, tuyên truyền, triển khai thực hiện; (2) Kết quả đạt được, khó khăn, vướng mắc, giải pháp.

10. Công tác thực hiện chế độ chính sách cho giáo viên và học sinh

Lưu ý: Nhận xét, đánh giá khái quát thực trạng, những khó khăn, vướng mắc, giải pháp. Tập trung vào các vấn đề sau:

- Đối với giáo viên, nhân viên: Số người được nâng lương định kỳ; nâng lương trước hạn; nâng phụ cấp thâm niên; số cán bộ quản lý được bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại; số nghỉ hưu, tinh giản biên chế...
- Công tác bổ nhiệm ngạch, bậc, thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo chòm Thông tư 03 của Bộ GD&ĐT.
- Nêu rõ các chính sách đang áp dụng; số người học được hưởng, số tiền

tương ứng học sinh hưởng theo từng loại chính sách (*Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ; Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; Nghị định số 57/2017/NĐ-CP; Nghị quyết số 22/2011/NQ-HĐND ngày 15/7/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang...*).

- Việc huy động thêm từ các nguồn xã hội hóa để chăm lo đời sống cho các em học sinh thuộc các hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo, con mồ côi...

11. Công tác thi đua, khen thưởng

- Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện.

- Kết quả: Nêu rõ số cuộc phát động phong trào thi đua, số lượng được khen thưởng, hình thức khen thưởng trong học kỳ I năm học 2023-2024 (tập thể, cá nhân).

12. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo; công tác phòng chống tham nhũng

- Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện.

- Thực trạng, kết quả, so sánh kết quả đạt được so với chỉ tiêu đặt ra và so với cùng kỳ năm trước (tăng, giảm), nguyên nhân, giải pháp.

13. Công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong ngành GD&ĐT

13.1. Công tác chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin

- Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện.

- Thực trạng, kết quả, so sánh kết quả đạt được so với chỉ tiêu đặt ra và so với cùng kỳ năm trước (tăng, giảm).

13.2. Công tác cải cách hành chính

- Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện.

- Thực trạng, kết quả, so sánh kết quả đạt được với chỉ tiêu đặt ra và so với cùng kỳ năm trước (tăng, giảm), nguyên nhân, giải pháp.

14. Công tác xây dựng, duy trì và phát triển trường chuẩn quốc gia

- Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện.

- Thực trạng, kết quả, so sánh kết quả đạt được với chỉ tiêu đặt ra.

15. Công tác phổ cập, xóa mù chữ và xây dựng xã hội học tập; công tác Khuyến học - Khuyến tài

15.1. Công tác phổ cập, xóa mù chữ và xây dựng xã hội học tập

- Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện.

- Thực trạng, kết quả, so sánh kết quả đạt được với cùng kỳ năm trước (tăng, giảm).

- Khó khăn, vướng mắc, giải pháp trong thời gian tiếp theo.

15.2. Công tác Khuyến học - Khuyến tài

- Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện.

- Thực trạng, kết quả đạt được.

- Kinh nghiệm để huy động các nguồn xã hội hóa cho công tác Khuyến học - Khuyến tài.

16. Công tác xét chuyển cấp, tuyển sinh đầu cấp năm học 2024-2025

Báo cáo tóm tắt công tác triển khai thực hiện; kết quả dự kiến đạt được.

17. Công tác y tế trường học, công tác an toàn vệ sinh thực phẩm; bếp ăn tập thể; công tác nội trú, bán trú

- Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện.
- Kết quả đạt được.

18. Công tác xã hội hóa

- Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện.
- Kết quả đạt được.

19. Công tác phối hợp với các ban ngành, chính quyền các cấp

Các đơn vị nêu rõ kết quả, những khó khăn vướng mắc trong công tác phối hợp với các cấp, các ngành, với các tổ chức có liên quan (Chính quyền, y tế, văn hóa, công an...).

20. Công tác triển khai Đề án “Nâng cao chất lượng giáo dục, giai đoạn 2023-2030”

- Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện.
- Thực trạng, kết quả đạt được, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Đề án.

21. Các công tác khác (nếu có)

III. ƯU ĐIỂM, TỒN TẠI, HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN, NGUYÊN NHÂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Ưu điểm

2. Tồn tại, hạn chế

3. Khó khăn

4. Nguyên nhân

5. Bài học kinh nghiệm

IV. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024

V. NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Trên đây là Báo cáo sơ kết học kì I năm học 2023-2024 và phương hướng nhiệm vụ học kì II năm học 2023-2024 của Trường...../.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- HT, các Phó Hiệu trưởng;
- Các tổ chuyên môn;
- Lưu: Nhà trường.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn A

